

SAFETY JOGGER
PROFESSIONAL

Light

CARINNE OB

Làm t ắc n gh ẽ i **Velcro có** ể điều chỉnh

Guố c CARINNE có khả năng chư ố ợ SR, b ảo v ệ ESD, phần lót chân có th i, đ m S Tay áo , dây đeo Velcro và phần trên thoáng khí. Lý t ư ờn g c ọ ận ụ ă uố ạ và làm s

Những vật liệu cao cấp hơn	Lorica
lót bên trong / i tái chế lưới	
trong Đ ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)	
ngoài Đ	Phylon/cao su
i Loạ	OB / SR, FO, HRO, A, E, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-42 / UK 3.0-8.0 / US 5.5-10.5 JPN 21.5-26.5 / KOR 230-270
ng lượng t thép	0.260 kg
ẩn hóa u chu	EN ISO 20347:2022+A1:2024 ASTM F2892:2024

CE · ESD · EXCLUSIVE LORICA · OXYGRIP

4.16 kg



FUC



LBL LGN LLC WHT



X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn n bắt lửa do tích điện. 00 KiloOhm và 100 MegaOhm.



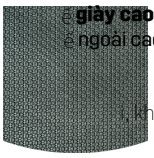
Tay cầm **Oxy / Tay** cầm **SJ**
ê ngoài bằng cô p su Oxytract có hoa văn lượt trên cả sa ắ ô và SRC (SRA+ SRB).



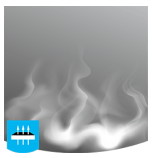
SRC
Đ những tính năng à ày quan trọng trong giày bảo hộ SRC qua cả bài SRA và SRB, chúng được kiểm tra trên cả bề mặt thép và gốm.



ượng **có** thể **tháo** rờ
Thay miếng lót giày thường xuyên h ế ợ lót giày chỉnh hình riêng, mái ế hoà



giày cao su
ê ngoài cao su cung cấp các tính năng linh hoạt giúp chúng phù ợ ực ứng dụng: khả năng chống cắt năng chịu nhiệt và độ lạnh, tính linh hoạt cao ở nhiệt độ lạnh, khả n ệ và nhiều l



Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt độ c **mát** lâu hơn.

Công nghiệp **n:**
thuộc v về **y** h ọ c , phục vụ **ăn** uố ạnh g, **Làm** sc ph m &Đ

ường: **Môi** t
ru ờn **môi** khô, Bề mặt cự c mịn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, c **giày, chúng tôi khuyên** bạn **nên** v ệ **sinh giày** thư ờn g **xuyên và** bảo v ệ **chúng** bằm phẳ **cách** hà nhiệ **Không** trên lò

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ết ả	đơn vị u	**đo** lư ợn g
Nhữ ng vật l iệu **Lorica** **cao** cấp h ơn					
	Top: khả năng thấm hút ẩm ơ	? 0.8		4.7	mg/cm/g
	Top: hi nuệ số ơ	? 15		40.5	mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế ơ				
	L ớp **lót:** thấm hút ẩm ơ	? 2		21.45	mg/cm/g
	lót: hi nuệ số ơ	? 20		172	mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)				
	ệ m chân Đ ch ố ng mài mòn (khô/ ướt) (chu kỳ)	25600/12800		25600/12800	chu kỳ
goài	Đ **Phlon/cao su**				
	Ch ố ma sát tĩnh ế ngoài (	? 150		76.6	mm
	Chư ố ợt trơ gót bàn - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót v ề phía t	? 0.31		0.47	ma sát
	ru Cột cố ợt bằng G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36		0.46	ma sát
	ru Cột SR ng G ết m + Glycerin - Trư ợt gót phía t	? 0.19		0.32	ma sát
	Chư ố ợt SR ng G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.22		0.32	ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000		N/A	megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100		54.1	megaohm
	Hấp thụ năng l ợ gót chân ủ	? 20		24	J

kích thước thép: 38

a chúng tôi Giày bảo hộ có thể thay thế và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ết ả	đơn vị u	**đo** lư ợn g
i **CO** **hát** thả				
	V ật l iệu		1.90	kg
	Bao bì		0.10	kg
	ất Sản x u		1.90	kg
	Chuyên ch ở		0.26	kg
			4.16 kg CO2/ cặp

	Sự **miêu** t ả	ết ả	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế				
	Product		17%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
ị đ Các giá tr tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán trực tuyến và có thể thay đổi.